

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. GIỚI THIỆU

1. Khái quát về gói thầu

- **Tên dự án:** Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

- **Tên gói thầu:** Gói thầu số 01: Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

- **Địa điểm xây dựng:** các xã: Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thủy, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

- **Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

- **Nguồn vốn để thực hiện:** Ngân sách Trung ương 2025 từ nguồn tăng thu NSTW năm 2024.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Lựa chọn được nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu đảm bảo cả chất lượng và chi phí thực hiện gói thầu.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Phạm vi nghiên cứu

Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy có phạm vi nghiên cứu như sau:

- **Điểm đầu:** Km27+480 (nối tiếp điểm cuối Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), tại nút giao Tân Quang, thuộc địa phận xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang;

- **Điểm cuối (Dự kiến):** Khoảng Km307+500 QL.2, thuộc địa phận xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

- **Tổng chiều dài đoạn tuyến nghiên cứu (Dự kiến):** Khoảng 60km đi qua 05 xã và 01 phường gồm các xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thủy và Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

2. Quy mô

- Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tuyến đường với quy mô tiêu chuẩn đường cao tốc 4 làn xe (theo TCVN 5729-2012);

- Đề xuất quy mô dự án:

+ Đường cao tốc: theo quy mô tiêu chuẩn đường Cao tốc 4 làn xe (theo TCVN 5729-2012) tốc độ thiết kế đường cao tốc cấp 100 (các vị trí địa hình đặc biệt khó khăn, chôn chước 1 số chỉ tiêu kỹ thuật theo đường cao tốc cấp 80). Mặt cắt ngang nền đường rộng 25,25m: mặt đường rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$, bề rộng làn dừng xe khẩn cấp $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$, bề rộng dải an toàn $2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$, bề rộng dải phân cách giữa 0,75m, bề rộng lề đất $2 \times 0,75\text{m} = 1,50\text{m}$

+ Đường ngang: Theo hiện trạng và quy hoạch của tuyến đường (TCVN4054:2005 và TCVN10380-2014).

+ Đường gom: Đầu tư đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B (TCVN10380-2014).

- Nút giao: Xây dựng các nút giao khác mức liên thông tại vị trí Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, liên xã và khu đông dân cư; 01 ngã ba giao bằng đồng mức tại cuối tuyến.

- Phạm vi GPMB: Giải phóng mặt bằng theo phạm vi xây dựng đường cao tốc (4 làn xe chạy theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

3. Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế chính được áp dụng

- Công tác trắc địa trong xây dựng: TCVN 9398:2012;

- Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000: TT 68/2015/BTNMT;

- Tiêu chuẩn cơ sở: Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS31-2020/TCĐB;

- Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu TCCS41:2022/TCĐBVN; Quyết định số 1365/QĐ-CĐBVN ngày 30/11/2022 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc công bố sửa đổi TCCS41:2022/TCĐBVN;

- Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013;

- Quy trình đánh giá tác động của môi trường khi lập dự án khả thi và thiết kế xây dựng các công trình giao thông 22TCN 242-98;

- Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế TCVN 5729:2012;

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN4054:2005;

- Đường giao thông nông thôn – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN10380:2014;

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCVN13592:2022;

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;

- Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, văn bản hiện hành khác.

4. Phạm vi công việc tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

4.1. Nội dung công tác khảo sát

Công tác khảo sát đảm bảo đủ số liệu để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

- Khảo sát tuyến;
- Khảo sát thủy văn;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Khảo sát các vị trí đào cao, đắp sâu;
- Khảo sát các vị trí xây dựng cầu;
- Khảo sát các vị trí xây dựng nút giao;
- Khảo sát các vị trí dự kiến xây dựng hầm (nếu có);
- Điều tra kinh tế - xã hội;
- Khảo sát môi trường...

4.2. Nội dung lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tuân thủ quy định tại Điều 34 Luật Đầu tư công; Điều 52, Điều 53, Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Điều 8, Điều 11 Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và các quy định hiện hành khác.

1. Sự cần thiết đầu tư và các điều kiện để thực hiện đầu tư xây dựng.
2. Dự kiến mục tiêu, quy mô, địa điểm và hình thức đầu tư xây dựng.
3. Nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên.

a) Dự kiến sơ bộ diện tích đất trồng lúa, đất lâm nghiệp và các loại đất khác cần chuyển đổi mục đích sử dụng để làm dự án đầu tư xây dựng (nếu có);

b) Đối với dự án khu đô thị, nhà ở cần có thuyết minh việc triển khai dự án đầu tư đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương trong từng giai đoạn (nếu có); sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở; việc thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội và các ưu đãi (nếu có); sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong dự án và kết nối với hạ tầng ngoài phạm vi dự án đối với dự án khu đô thị.

4. Phương án thiết kế sơ bộ về xây dựng, thuyết minh, công nghệ, kỹ thuật và thiết bị phù hợp.

a) Bản vẽ thiết kế sơ bộ gồm: sơ đồ vị trí, dự kiến địa điểm khu đất xây dựng; sơ bộ tổng mặt bằng của dự án hoặc sơ đồ hướng tuyến trong trường hợp công trình xây dựng theo tuyến; bản vẽ thể hiện giải pháp thiết kế sơ bộ công trình chính của dự án;

b) Thuyết minh về quy mô, tính chất của dự án; hiện trạng, ranh giới khu đất; thuyết minh về sự phù hợp với quy hoạch (nếu có), kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật xung quanh dự án; thuyết minh về giải pháp thiết kế sơ bộ;

c) Bản vẽ và thuyết minh sơ bộ về dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghệ (nếu có).

5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án.

6. Sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn, trả nợ vốn vay (nếu có); xác định sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội và đánh giá tác động của dự án thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan...

4.3. Khối lượng khảo sát

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
[1]	[2]	[3]	[4]
1	KHẢO SÁT TẠI PHƯỜNG HÀ GIANG 1		
1.1	ĐIỀU TRA THU THẬP SỐ LIỆU		
1.1.1	Điều tra số liệu KT-XH, các quy hoạch có liên quan (6 công/xã hoặc phường)	Công	6
1.1.2	Điều tra, thu thập số liệu phục vụ công tác lập tổng mức đầu tư. (4 công/xã hoặc phường)	Công	4
1.1.3	Thị sát hiện trường (dự kiến khoảng 10Km)	Công	2,5
1.1.4	Điều tra các bãi đổ thải (4 công/xã hoặc phường)	Công	4
1.1.5	Thu thập, ghi và xử lý số liệu từ thiết bị UAV: 0,3 công/ha (dự kiến khoảng 10Km)	Công	9
1.1.6	Thu thập bản đồ tỷ lệ 1/5.000	HĐ	1
1.1.7	Thu thập bản đồ dải thửa dọc theo tim tuyến khảo sát (5 công/xã hoặc phường)	Công	5
1.1.8	Thu thập, ghi và xử lý số liệu từ thiết bị UAV phục vụ nghiên cứu các phương án tuyến: 0,3 công/ha (dự kiến khoảng 10Km)	Công	58,5

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
[1]	[2]	[3]	[4]
1.3	KHẢO SÁT THỦY VĂN		
1.3.1	Điều tra thủy văn dọc tuyến	Công	2,5
1.4	ĐIỀU TRA GPMB		
1.4.1	Thống kê giải phóng mặt bằng (2 công/km) dự kiến khoảng 10Km)	Công	30
1.5	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH		
1.5.1	Thị sát khu vực cùng với các nghiệp vụ khác của tổng thể. Tìm hiểu chi tiết nhiệm vụ kỹ thuật được giao, các văn bản có liên quan dự kiến khoảng 10Km).	Công	10
1.5.3	Sau khi có đầy đủ các tài liệu, cần tập hợp để viết báo cáo ĐCCT. Nội dung báo cáo phải thoả mãn các yêu cầu của thiết kế trong giai đoạn này. Cần nêu ra những vấn đề phải giải quyết trong giai đoạn khảo sát sau. Không tiến hành bất kỳ một khối lượng công tác khảo sát nào dự kiến khoảng 10Km).	Công	5
2	KHẢO SÁT TẠI CÁC XÃ: TÂN QUANG, LINH HỒ, VỊ XUYÊN, PHÚ LINH VÀ THANH THỦY		
2.1	ĐIỀU TRA THU THẬP SỐ LIỆU		
2.1.1	Điều tra số liệu KT-XH, các quy hoạch có liên quan (6 công/xã hoặc phường, tỉnh)	Công	36
2.1.2	Điều tra, thu thập số liệu phục vụ công tác lập tổng mức đầu tư. (4 công/xã hoặc phường)	Công	20
2.1.3	Thị sát hiện trường (dự kiến khoảng 50Km)	Công	12,5
2.1.4	Điều tra các bãi đổ thải (4 công/xã hoặc phường)	Công	20

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
[1]	[2]	[3]	[4]
2.1.5	Thu thập, ghi và xử lý số liệu từ thiết bị UAV: 0,3 công/ha dự kiến khoảng 50Km)	Công	45
2.1.6	Thu thập bản đồ tỷ lệ 1/10.000	HĐ	1
2.1.7	Thu thập bản đồ dải thừa dọc theo tim tuyến khảo sát (5 công/xã hoặc phường)	Công	25
2.1.8	Thu thập, ghi và xử lý số liệu từ thiết bị UAV phục vụ nghiên cứu các phương án tuyến: 0,3 công/ha dự kiến khoảng 50Km)	Công	292,5
2.2	KHẢO SÁT THỦY VĂN		
2.2.1	Điều tra thủy văn dọc tuyến	Công	12,5
2.3	ĐIỀU TRA GPMB		
2.3.1	Thông kê giải phóng mặt bằng (2 công/km) dự kiến khoảng 50Km)	Công	150
2.4	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH		
2.4.1	Thị sát khu vực cùng với các nghiệp vụ khác của tổng thể. Tìm hiểu chi tiết nhiệm vụ kỹ thuật được giao, các văn bản có liên quan dự kiến khoảng 50Km).	Công	50
2.4.2	Sau khi có đầy đủ các tài liệu, cần tập hợp để viết báo cáo ĐCCT. Nội dung báo cáo phải thoả mãn các yêu cầu của thiết kế trong giai đoạn này. Cần nêu ra những vấn đề phải giải quyết trong giai đoạn khảo sát sau. Không tiến hành bất kỳ một khối lượng công tác khảo sát nào dự kiến khoảng 50Km).	Công	25
2.5	KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG		
2.5.1	Thu thập tài liệu quy hoạch liên quan dự án	Công	9
2.5.2	Khảo sát các yếu tố nhạy cảm về môi trường	Công	36
2.5.3	Lập báo cáo ĐTM sơ bộ	Công	60

III. HỒ SƠ GIAO NỘP

1. Hồ sơ khảo sát địa hình

- Thuyết minh đo đạc khảo sát.
- Bình đồ, mặt cắt dọc và các mặt cắt ngang của các nút giao, đào cao, đắp sâu bao gồm các bản vẽ và các file lưu trữ máy tính.
- Bình đồ và mặt cắt dọc cầu (số liệu, bản vẽ và các file lưu trữ máy tính).
- Sổ khảo sát, đo đạc.
- Các bảng biểu điều tra thống kê (đất đai, cây cối, cột điện, bãi đỗ thải...) theo quy định.

2. Hồ sơ khảo sát thủy văn

- Thuyết minh.
- Bản đồ hướng tuyến.
- Một số địa danh, khu vực có liên quan đến tình hình thủy văn tuyến đường.
- Điều kiện địa hình, địa mạo;
- Điều kiện khí hậu;
- Điều kiện thủy văn.
- Tình hình thủy văn khu vực và tại các vị trí vượt sông, các đoạn tuyến qua vùng có chế độ thủy văn phức tạp: ven sông, khu vực chảy tràn trước núi, qua đồng trũng,...
- Thống kê các vị trí và dự kiến khẩu độ cầu.
- Ý kiến về việc chọn các phương án tuyến theo góc độ chuyên môn về thủy văn.
- Những kiến nghị để triển khai công tác khảo sát thủy văn tuyến đường trong các bước tiếp theo.
- Các số liệu khí tượng thủy văn
- Các số liệu, tài liệu khảo sát ngoài thực địa
- Các tài liệu khác.

3. Hồ sơ khảo sát địa chất công trình

- Thuyết minh tổng thể địa chất dọc tuyến.
- Kiến nghị sơ bộ các giải pháp xử lý nền đường cho từng đoạn trên tuyến.
- Kiến nghị các công tác khảo sát địa chất công trình cho bước sau.

4. Báo cáo khảo sát, lập báo cáo sơ bộ đánh giá tác động môi trường

5. Số lượng hồ sơ giao nộp

- Theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản và hợp đồng kinh tế,

gồm: bản cứng và file mềm.

6. Nội dung lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

6.1. Phạm vi, quy mô nghiên cứu

a) Phạm vi nghiên cứu

Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy có phạm vi nghiên cứu như sau:

- Điểm đầu: Km27+480 (nối tiếp điểm cuối Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), tại nút giao Tân Quang, thuộc địa phận xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang;

- Điểm cuối (Dự kiến): Khoảng Km307+500 QL.2, thuộc địa phận xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

- Tổng chiều dài đoạn tuyến nghiên cứu (Dự kiến): Khoảng 60km đi qua 05 xã và 01 phường gồm các xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thủy và Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

b) Quy mô

- Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tuyến đường với quy mô tiêu chuẩn đường cao tốc 4 làn xe (theo TCVN 5729-2012);

- Đề xuất quy mô dự án:

+ Đường cao tốc: theo quy mô tiêu chuẩn đường Cao tốc 4 làn xe (theo TCVN 5729-2012) tốc độ thiết kế đường cao tốc cấp 100 (các vị trí địa hình đặc biệt khó khăn, chầm chước 1 số chỉ tiêu kỹ thuật theo đường cao tốc cấp 80). Mặt cắt ngang nền đường rộng 25,25m: mặt đường rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$, bề rộng làn dừng xe khẩn cấp $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$, bề rộng dải an toàn $2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$, bề rộng dải phân cách giữa 0,75m, bề rộng lề đất $2 \times 0,75\text{m} = 1,50\text{m}$

+ Đường ngang: Theo hiện trạng và quy hoạch của tuyến đường (TCVN4054:2005 và TCVN10380-2014).

+ Đường gom: Đầu tư đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B (TCVN10380-2014).

- Nút giao: Xây dựng các nút giao khác mức liên thông tại vị trí Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, liên xã và khu đông dân cư; 01 ngã ba giao bằng đồng mức tại cuối tuyến.

- Phạm vi GPMB: Giải phóng mặt bằng theo phạm vi xây dựng đường cao tốc (4 làn xe chạy theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

6.2. Tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Đối với tuyến chính

- Các chỉ tiêu thiết kế của tuyến được thống kê phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc TCVN5729-2012 và theo bảng dưới đây.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu áp dụng thiết kế tìm tuyến

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cấp 100
1	Tốc độ tính toán V_{tt}	Km/h	100
3	Bán kính nhỏ nhất tương ứng $i_{sc}=+8\%$	m	450
4	Bán kính nhỏ nhất thông thường tương ứng $i_{sc}=+5\%$	m	650
5	Bán kính tương ứng với $i_{sc}=+2\%$	m	2000
6	Bán kính không cần cấu tạo độ nghiêng một mái $i_{sc}=-2\%$	m	4000
7	Chiều dài đường cong chuyển tiếp ứng với R_{min}	m	210
8	Chiều dài đường cong chuyển tiếp ứng với bán kính nhỏ nhất thông thường	m	150
9	Chiều dài đường cong chuyển tiếp ứng với bán kính có trị số trong ngoặc	m	100 (900)
10	Chiều dài hãm xe hay tầm nhìn dừng xe	m	160

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu áp dụng thiết kế các yếu tố khác:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cấp 80
1	Tốc độ tính toán V_{tt}	Km/h	80
2	Độ dốc siêu cao lớn nhất (i_{sc})	%	8
3	Độ dốc dọc lên dốc lớn nhất	%	6
4	Độ dốc dọc xuống dốc lớn nhất	%	6
5	Bán kính đường cong đứng lồi tối thiểu	m	3000
6	Bán kính đường cong đứng lõm tối thiểu	m	2000

b) Đối với đường ngang

- Thiết kế đường ngang theo quy mô đường cấp V đồng bằng, theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005, cấp đường được lựa chọn phù hợp với hiện trạng và quy hoạch.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cấp 40
1	Tốc độ tính toán V_{tt}	Km/h	40
2	Độ dốc siêu cao lớn nhất (i_{sc})	%	6
3	Bán kính tối thiểu giới hạn	m	60
4	Bán kính tối thiểu thông thường	m	125
5	Bán kính tối thiểu không siêu cao	m	600
10	Chiều dài hãm xe hay tầm nhìn dừng xe	m	40
11	Độ dốc dọc lớn nhất	%	7

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cấp 40
12	Chiều dài tối thiểu của dốc dọc	m	120 (70)
13	Bán kính đường cong đứng lồi tối thiểu	m	700
14	Bán kính đường cong đứng lõm tối thiểu	m	450
15	Mô đun đàn hồi yêu cầu (theo bước TKCS)	Mpa	130
16	Tần suất thiết kế	%	4
17	Tải trọng thiết kế công trình		HL93

7. Thời gian thực hiện gói thầu: 40 ngày.

Thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.

IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU

Đảm bảo theo yêu cầu kinh nghiệm và nhân sự đã nêu trong tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

- Liên hệ với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để việc thực hiện gói thầu được thuận lợi.

- Cung cấp thông tin, tư liệu (nếu có) cho nhà thầu tư vấn khi nhà thầu yêu cầu trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Tổ chức các cuộc họp để đơn vị tư vấn báo cáo tiến độ triển khai gói thầu.

- Cùng nhà thầu báo cáo, trình duyệt hồ sơ lên cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán đối với công việc dịch vụ tư vấn do nhà thầu thực hiện.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ CÁC TÀI LIỆU NỘP KÈM E-HSDT

1) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ

- Giấy ủy quyền (Trường hợp ủy quyền ký E-HSDT).

- Thỏa thuận liên danh (Trường hợp liên danh).

+ Thỏa thuận liên danh phải thể hiện rõ nội dung và tỷ lệ phần trăm giá trị công việc được phân công;

+ Từng thành viên trong liên danh phải có các giấy tờ và các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật phù hợp với nội dung và tỷ lệ phần trăm giá trị công việc được phân công.

2) Tài liệu chứng minh kinh nghiệm và năng lực

- Hồ sơ hợp đồng, bao gồm: Hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có). Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc biên bản thanh lý hoặc tương đương để xác nhận hoàn thành hợp đồng có xác nhận của chủ đầu tư (chứng minh việc hoàn thành).

- Hợp đồng nguyên tắc thuê thầu phụ (Trường hợp thuê thầu phụ):

+ Hợp đồng nguyên tắc thuê thầu phụ phải thể hiện rõ nội dung và giá trị công việc phân công cho nhà thầu phụ.

+ Nhà thầu phụ phải có các giấy tờ và các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật phù hợp với nội dung và giá trị công việc được phân công.

3) Giải pháp và phương pháp luận

4) Tài liệu chứng minh kinh nghiệm và năng lực của Nhân sự chủ chốt: Hợp đồng lao động hoặc thuê mướn. Bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận (nếu có yêu cầu). Xác nhận của chủ đầu tư về nhân sự thực hiện hợp đồng. Tài liệu pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng minh năng lực.

5) Tài liệu chứng minh năng lực Máy móc, trang thiết bị: Hóa đơn mua bán, phiếu kiểm định còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu (đối những máy móc phải có kiểm định trước khi sử dụng), hợp đồng nguyên tắc thuê mướn (trường hợp đi thuê), chứng nhận bản quyền (đối với các phần mềm).